



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 347/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 của Điều 5

“4. Người nộp phí, lệ phí nộp tiền phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo hình thức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6

“Điều 6. Khai, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí của tổ chức thu phí, lệ phí

Tổ chức thu phí, lệ phí nộp 100% số tiền phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, bao gồm tiền lãi phát sinh (nếu có) trên số dư tài khoản liên quan trong quá trình thu phí, lệ phí. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí được ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí, lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổ chức thu phí, lệ phí khai, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.”

Điều 3. Bãi bỏ Điều 7

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC

“1. Phí cung cấp dịch vụ viễn thông

Hằng năm, doanh nghiệp có phát sinh doanh thu dịch vụ viễn thông thuộc loại nào có trách nhiệm nộp phí cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy mô doanh thu dịch vụ viễn thông loại đó của năm trước liền kề theo mức thu phí như sau:

Số TT	Mức doanh thu	Mức thu (năm)
1	Dưới 20 tỷ đồng	50 triệu đồng
2	Từ 20 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng	250 triệu đồng
3	Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng	400 triệu đồng
4	Từ 100 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng	700 triệu đồng
5	Từ 500 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng	01 tỷ đồng
6	Từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng	02 tỷ đồng
7	Từ 2.000 tỷ đồng đến dưới 3.000 tỷ đồng	03 tỷ đồng
8	Từ 3.000 tỷ đồng đến dưới 4.000 tỷ đồng	04 tỷ đồng
9	Từ 4.000 tỷ đồng đến dưới 5.000 tỷ đồng	05 tỷ đồng
10	Từ 5.000 tỷ đồng đến dưới 6.000 tỷ đồng	06 tỷ đồng

Số TT	Mức doanh thu	Mức thu (năm)
11	Từ 6.000 tỷ đồng đến dưới 7.000 tỷ đồng	07 tỷ đồng
12	Từ 7.000 tỷ đồng đến dưới 8.000 tỷ đồng	08 tỷ đồng
13	Từ 8.000 tỷ đồng đến dưới 9.000 tỷ đồng	09 tỷ đồng
14	Từ 9.000 tỷ đồng đến dưới 10.000 tỷ đồng	10 tỷ đồng
15	Từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 12.000 tỷ đồng	28 tỷ đồng
16	Từ 12.000 tỷ đồng đến dưới 14.000 tỷ đồng	46 tỷ đồng
17	Từ 14.000 tỷ đồng đến dưới 16.000 tỷ đồng	64 tỷ đồng
18	Từ 16.000 tỷ đồng đến dưới 18.000 tỷ đồng	82 tỷ đồng
19	Từ 18.000 tỷ đồng đến dưới 20.000 tỷ đồng	100 tỷ đồng
20	Từ 20.000 tỷ đồng đến dưới 25.000 tỷ đồng	125 tỷ đồng
21	Từ 25.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng	150 tỷ đồng
22	Từ 30.000 tỷ đồng đến dưới 35.000 tỷ đồng	175 tỷ đồng
23	Từ 35.000 tỷ đồng đến dưới 40.000 tỷ đồng	200 tỷ đồng
24	Từ 40.000 tỷ đồng đến dưới 45.000 tỷ đồng	225 tỷ đồng
25	Từ 45.000 tỷ đồng đến dưới 50.000 tỷ đồng	250 tỷ đồng
26	Từ 50.000 tỷ đồng trở lên	300 tỷ đồng

Doanh thu dịch vụ viễn thông được phân chia theo 04 loại tương ứng với 04 loại mạng viễn thông công cộng, bao gồm:

- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định mặt đất;
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định vệ tinh;
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động mặt đất;
- Doanh thu dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông di động vệ tinh.”

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./. *tv*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục CST (136b). *p*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn